Chi tiết mã HS 0409.00.00

Mã HS	0409.00.00
Mô tả hàng hóa	Mật ong tự nhiên
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	02/11/2026 14:51:53
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/04090000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K916
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N916
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q916
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-MY, KR)	0% (trừ MY, KR)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E906
ATIGA	2022	2022	0	AT!E907
ATIGA	2023	2023	0	AT!F907
ATIGA	2024	2024	0	AT!G907
ATIGA	2025	2025	0	AT!H907
ATIGA	2026	2026	0	AT!I907
ATIGA	2027	2027	0	AT!J907
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E909
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F909

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G909
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H909
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I909
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J909
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E911
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F911
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G911
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H911
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I911
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J911
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F913
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H908
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F909
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G909
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H909
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I909
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J909
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K909
VKFTA	2022	2022	0	VK!E907
VKFTA	2023	2023	0	VK!F907
VKFTA	2024	2024	0	VK!G907
VKFTA	2025	2025	0	VK!H907
VKFTA	2026	2026	0	VK!I907
VKFTA	2027	2027	0	VK!J907
VCFTA	2022	2022	0	VC!D918
VCFTA	2023	2023	0	VC!E918

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F918
VCFTA	2025	2025	0	VC!G918
VCFTA	2026	2026	0	VC!H918
VCFTA	2027	2027	0	VC!I918
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D915
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E915
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F915
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G915
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H915
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I915
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D181
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E181
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D924
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E924
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F924
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G924
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H924
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I924
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D908
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E908
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F908
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G908
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H908
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I908
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D910
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E910

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F910
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G910
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H910
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I910
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D908
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E908
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F908
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G908
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H908
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I908
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J908
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D911
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E911
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F911
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G911
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H911
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I911
RCEP B	2022	2022	0	B!D911
RCEP B	2023	2023	0	B!E911
RCEP B	2024	2024	0	B!F911
RCEP B	2025	2025	0	B!G911
RCEP B	2026	2026	0	B!H911
RCEP B	2027	2027	0	B!I911
RCEP C	2022	2022	0	C!D911
RCEP C	2023	2023	0	C!E911
RCEP C	2024	2024	0	C!F911

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2025	2025	0	C!G911
RCEP C	2026	2026	0	C!H911
RCEP C	2027	2027	0	C!I911
RCEP D	2022	2022	0	D!D911
RCEP D	2023	2023	0	D!E911
RCEP D	2024	2024	0	D!F911
RCEP D	2025	2025	0	D!G911
RCEP D	2026	2026	0	D!H911
RCEP D	2027	2027	0	D!I911
RCEP E	2022	2022	0	E!D911
RCEP E	2023	2023	0	E!E911
RCEP E	2024	2024	0	E!F911
RCEP E	2025	2025	0	E!G911
RCEP E	2026	2026	0	E!H911
RCEP E	2027	2027	0	E!I911
RCEP F	2022	2022	0	F!D911
RCEP F	2023	2023	0	F!E911
RCEP F	2024	2024	0	F!F911
RCEP F	2025	2025	0	F!G911
RCEP F	2026	2026	0	F!H911
RCEP F	2027	2027	0	F!I911
VIFTA	2024	2024	8	VI!F887
VIFTA	2025	2025	6	VI!G887
VIFTA	2026	2026	4	VI!H887
VIFTA	2027	2027	2	VI!I887

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M1)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 34/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Dược liệu làm thuốc XK, NK (09/2024/TT-BYT-DM11)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0409.00.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 0409.00.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N916), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)
Động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M1)
Dược liệu làm thuốc XK, NK (09/2024/TT-BYT-DM11)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.